

※ Những ghi chép sau đây là thông tin tham khảo cho quá trình trông trẻ tại nhà trẻ, không ảnh hưởng tới việc sắp xếp và quyết định vào nhà trẻ.

Ngày viết:

Năm

Tháng

Ngày

Họ và tên trẻ	Katakana	Nam	Biệt danh		Mối quan hệ với người giám hộ		Ngày Tháng Năm Sinh	Năm	Tháng	Ngày
							Tuổi	Tuổi	Tháng	
Người giám hộ	Katakana			Điện thoại	Nhà riêng					
					Di động					
Địa chỉ	Toyoakeshi									

- A. Hãy trả lời những câu hỏi về tình trạng của trẻ. Hãy khoanh O vào câu trả lời phù hợp và viết vào
- 1 Trẻ có bất thường gì trong thời kỳ sơ sinh không?

Không • Có

• Chết lâm sàng • Vàng da (Nặng • Kéo dài hơn 1 tháng)

• Truyền máu thay thế • Khác :
- 2 Trẻ đã từng mắc bệnh nặng hay không?

Không • Có

Tên bệnh:
- 3 Trẻ có dị ứng hay không?

Không • Có

(Sữa tươi • Trứng. Đậu tương • Khác)
- 4 Trẻ đã từng bị trật khớp hay không?

Không • Có

Tuổi Tháng Bộ phận:
- 5 Trẻ đã từng bị co giật hay không?

Không • Có

Lần gần đây nhất Tháng Năm
- B. Hãy trả lời những câu hỏi về kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Kiểm tra sức khỏe trẻ 1 năm 6 tháng tuổi • Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko Nội dung:
- Kiểm tra nha khoa trẻ 2 năm 3 tháng tuổi • Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ Có Ko Nội dung:
- Kiểm tra sức khỏe trẻ 3 tuổi • Chưa kiểm tra • Đã kiểm tra

Chỉ thị của bác sỹ: Có Ko Nội dung:
- C. Hãy trả lời về nếp sinh hoạt của trẻ
- | | | | | | | |
|---------------|--------------------------|---|---------|----------------|---------------------|------------------------------------|
| Ăn uống | Ăn sáng | • Giờ | | | Bữa ăn phụ | Trẻ ăn những đồ ăn phụ nào?
[] |
| | Kén ăn | • Có Không | | | | |
| | Nội dung bữa ăn | • Đồ ăn yêu thích:
• Đồ ăn không thích: | | | | |
| | Lượng ăn | • Nhiều • Bình thường • Ít • Không ổn định | | | | |
| | Cách ăn | • Ống hút • Cốc • Bốc bằng tay • Thìa • Dĩa • Đũa
• Khác () | | | | |
| Ngủ | Ngủ dậy | • Giờ | | | Chất lượng giấc ngủ | • Ngủ nông • Ngủ sâu |
| | Đi ngủ | • Giờ | | | | |
| | Khả năng đi vào giấc ngủ | • Ngon giấc Bình thường Không ngon giấc
(Cách khắc phục:) | | | | |
| | Ngủ dậy | • Tỉnh táo vui vẻ . Bình thường . Khó chịu cáu gắt | | | | |
| | Ngủ trưa | • Có . Tỉnh thoảnh . Không | | | | |
| Vệ sinh | Rửa mặt | Ba mẹ rửa giúp | Rửa tay | Ba mẹ rửa giúp | Đánh răng | • Có (Tự đánh . Ba mẹ đánh lại) |
| | | Tự rửa | | Tự rửa | | • Không |
| Tiểu đại tiện | Tiểu tiện | Đi tiểu thưa • Bình Thường • Đi tiểu nhiều (Phút đi 1 lần) | | | | |
| | Đại tiện | Tiểu đêm: Có . Không
1 Ngày Lần Không cố định . Cố định (Sáng sớm . Sáng . Chiều . Chiều tối . Tối)
Cứng . Bình thường . Mềm nhão | | | | |
- D. Về vui chơi
- Trò chơi đồ chơi yêu thích của trẻ?

• Trẻ chơi cùng với ai? (Bố. Mẹ. Ông. Bà. Anh chị em. Bạn)

E. Hãy đánh dấu các mục hiện đang phù hợp với tình hình phát triển của trẻ. (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

Bữa ăn	☐ Cần trợ giúp	☐ Ăn bằng tay	☐ Ăn bằng thìa nhưng thường làm rơi	☐ Ăn bằng thìa mà không làm rơi	☐ Ăn bằng đũa nhưng thường làm rơi	☐ Ăn bằng đũa và không làm rơi
Tiểu tiện và đại tiện	☐ Dẫn đi nhà vệ sinh theo thời gian dự đoán (sử dụng tờ giấy)	☐ Đi tiểu tiện thì báo nhưng cần hỗ trợ. Đi đại tiện thì không báo.	☐ Đi tiểu tiện thì báo, nhưng đi đại tiện thì không báo.	☐ Đi đại tiện có báo nên ba mẹ dẫn đi và tự đi.	☐ Tự đi cả đại và tiểu tiện, nhưng không thể dọn dẹp sạch sẽ sau đó.	☐ Tự đi đại tiện và tiểu tiện được
Cởi mặc quần áo	☐ Cần trợ giúp	☐ Biết phối hợp cử động khi được mặc và cởi quần áo	☐ Có thể cởi quần áo	☐ Tự mình mặc nhưng không thể cài cúc.	☐ Về cơ bản có thể tự làm, nhưng sau đó cần kiểm tra lại.	☐ Có thể tự mặc và cởi ra một mình
Vận động	☐ Cần hỗ trợ hoàn toàn	☐ Bò, bám vào đứng, tự ngồi	☐ Bám vào gì đó để đi	☐ Có thể đi bộ, nhưng không ổn định, cần có người giám sát	☐ Đi vững	☐ Có thể đi bộ hoặc chạy
Vui chơi	☐ Chơi một mình tập trung	☐ Chơi đóng vai cùng người lớn	☐ Vui mừng khi chơi cùng bạn bè	☐ Nói chuyện khi chơi với bạn bè	☐ Mượn và cho bạn mượn đồ chơi khi chơi cùng bạn	☐ Tuân thủ thứ tự chơi khi chơi cùng bạn bè
	☐ Không thích đồ chơi	☐ Chỉ chơi với những đồ chơi và đồ vật cụ thể	☐ Chơi vẽ tranh Chơi chơi xếp hình đơn giản	☐ Xếp các khối đồ chơi giống xe hơi, tàu hỏa, v.v.	☐ Chơi đi xe ba bánh và ném bóng.	☐ Chơi sáng tạo bằng cách sử dụng một số đồ chơi
Ngôn ngữ	☐ Hầu như không nói được	☐ Chỉ tay, nói bập bẹ, truyền đạt ý muốn bằng cử chỉ	☐ Nói được câu hai từ vựng	☐ Có thể diễn đạt cảm xúc của bản thân bằng lời	☐ Miêu tả tình huống bằng câu khoảng 3 từ	☐ Có thể nói chuyện với những bạn cùng lứa tuổi
	☐ Không hiểu hoặc không làm theo chỉ dẫn	☐ Chỉ tay, nói bập bẹ, truyền đạt ý muốn bằng cử chỉ	☐ Nói bằng câu hai từ từ các từ vựng	☐ Hiểu chỉ dẫn bằng lời nói		☐ Hiểu được công dụng của đồ vật ☐ Có thể nhận biết được kích thước và màu sắc
Thay đổi tâm trạng	☐ Khi bị ngắt quãng điều mình muốn làm sẽ khóc hoặc hoảng loạn.		☐ Mất thời gian để thuyết phục	☐ Nếu thông báo trước thì có thể thay đổi được	☐ Ngay cả những lúc đang thực sự thích và muốn chơi cũng có thể dọn dẹp được nhờ lời nói khích lệ.	
Giao tiếp	☐ Cần được tương tác riêng 1-1	☐ Ngay cả người lần đầu tiên gặp cũng có thể bày tỏ sự thân mật	☐ Muốn bắt chước người lớn	☐ Hỏi xin phép: 'Con có thể làm ○○ không?'	☐ Khi gặp khó khăn, tìm sự giúp đỡ từ người lớn đáng tin cậy như mẹ.	☐ Làm những việc đơn giản khi được người lớn nhờ vả
Khác	☐ Không nhận biết được những nguy hiểm như xe cộ hay chỗ cao.	☐ Nếu yêu cầu không được đáp ứng, sẽ khóc lóc thảm thiết hoặc đánh người.	☐ Khi nhu cầu không được đáp ứng, trẻ tự cắn, đánh hoặc va chạm vào bản thân.	☐ Ghét bị bắt ☐ Di chuyển không ngừng nghỉ	☐ Đưa những thứ không phải thức ăn vào miệng	☐ Có thể thấy những hành động bộc phát
	☐ Ghét bị bế hoặc nắm tay	☐ Khó quen với nơi mới	☐ Đã từng bị lạc	☐ Không thích ở những nơi đông người.	☐ Nếu không làm theo cùng một trình tự hay cách thức như mọi khi thì cảm thấy khó chịu	☐ Ném hoặc phá đồ vật

F. Về việc nuôi dạy trẻ

- Người chủ yếu nuôi dạy trẻ là ai?
- Phụ huynh quan tâm về điều gì khi nuôi dạy trẻ?
- Về tính cách của trẻ

Sở trường: _____

Sở đoản: _____

- Phụ huynh có điều gì lo lắng khi trẻ đi nhà trẻ không?

[_____]